TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/KDTM-PT.
Ngày: 20/4/2020.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo.

Bà Phạm Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2020/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2020/QĐ-PT ngày 17/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2020/QĐ-PT ngày 05/3/2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 31 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Or.

Địa chỉ: Số 79, đường số 3, cư xá Chu Văn An, Phường 26, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Minh L– Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trương Ngô Hồng T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 427/3, Nguyễn An Ninh, Phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Văn bản ủy quyền ngày 30/02/2019 – Có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty TNHH một thành viên thuộc da R.

Địa chỉ: Lô DII, đường số 8, khu công nghiệp L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông J– Chức vụ Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số 20, Nguyễn Du, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2019 – Có mặt).

Người kháng cáo: Công ty TNHH một thành viên thuộc da R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2019 và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or do Anh Trương Ngô Hồng T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Từ ngày 28/6/2018 đến ngày 25/7/2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or (sau đây gọi tắt là Công ty Or) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R (sau đây gọi tắt là Công ty thuộc da R) đã ký và thực hiện trên thực tế với nhau 05 hợp đồng mua bán hàng hóa. Cụ thể:

- Ngày 28/6/2018, các bên ký kết và đã thực hiện xong trên thực tế hợp đồng số ORC/01- 2018/RTVN, giá trị hợp đồng là 21.244.523 đồng.

- Ngày 07/7/2018, các bên ký kết và đã thực hiện xong trên thực tế hợp đồng số ORC/02- 2018/RTVN, giá trị hợp đồng là 34.284.390 đồng.

- Ngày 25/7/2018, các bên ký kết và đã thực hiện xong trên thực tế hợp đồng số ORC/03- 2018/RTVN, giá trị hợp đồng là 30.258.000 đồng.

- Ngày 18/7/2018, các bên ký kết và đã thực hiện xong trên thực tế hợp đồng số ORC/04- 2018/RTVN, giá trị hợp đồng là 35.743.200 đồng.

- Ngày 19/7/2018, các bên ký kết và đã thực hiện xong trên thực tế hợp đồng số ORC/05- 2018/RTVN, giá trị hợp đồng là 6.000.800 đồng.

Theo nội dung các hợp đồng nêu trên, nguyên đơn đồng ý bán và bị đơn đồng ý mua hóa chất ngành da (cụ thể về tên, chủng loại hàng hóa, quy cách, số lượng và giá trị hợp đồng) được các bên thỏa thuận chi tiết tại Điều 01 của các hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo đơn đặt hàng và nội dung thỏa thuận tại các hợp đồng, nguyên đơn có trách nhiệm giao hàng tại kho của bị đơn (Lô DII- 2 Đường số 8, KCN L, huyện L, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ vào các phiếu giao hàng số NL18.641 ngày 28/6/2018; NL18.744 ngày 25/7/2018; NL18.677 ngày 07/07/2018; NL18.710 ngày 17/7/2018; NL18.711 ngày 17/07/2018; NL18.745 ngày 25/07/2018; NL18.730 ngày 20/07/2018; NL18.734 ngày 20/7/2018; NL18.717 ngày 18/7/2018; NL18.709 ngày 17/7/2018 đều thể hiện nguyên đơn đã giao hàng và bị đơn đã nhận đủ hàng theo đúng thời hạn, địa điểm, chủng loại và chất lượng, số lượng theo thỏa thuận.

Việc thanh toán tiền giao hàng theo hợp đồng được các bên thỏa thuận như sau: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính và phiếu giao hàng bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Chứng từ làm căn cứ để bị đơn thanh toán tiền cho nguyên đơn là hóa đơn tài chính và phiếu giao hàng (Điều 03- Hợp đồng mua bán)

Phía nguyên đơn đã nhiều lần đề nghị bị đơn thanh toán tiền mua hàng nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn bất kì khoản tiền nào mặc dù nguyên đơn đã liên hệ với bị đơn nhiều lần để tìm ra phương án giải quyết nhưng bị đơn không hợp tác.

Đối với hợp đồng mua bán hàng hóa số ORC/04-2018/RTVN ngày 18/7/2018, phía bị đơn cho rằng tên nguyên liệu trên đơn đặt hàng không khớp với hóa chất trên hợp đồng mua bán và hóa đơn, cụ thể tương ứng như sau: Theo đơn đặt hàng tên nguyên liệu là IPA, Tankrom AB và Sodium fotmate nhưng hóa chất trên hợp đồng và hóa đơn lại là Nexopol ER, Crom TAN và Nerifill P là hoàn toàn không chính xác mà nguyên đơn chỉ thay thế sản phẩm Vishnuchrome trên đơn đặt hàng số PO01403 ngày 10/7/2018 với sản phẩm Crom TAN và Tankrom AB do có cùng một loại chất dung dịch hóa học như nhau nhưng khác nhau về Công ty sản xuất nên phía Công ty Or đã thỏa thuận giao 02 sản phẩm có thành phần giống nhau này thay cho Vishnuchrome trên đơn đặt hàng số PO01403 ngày 10/7/2018 vì vậy nên có sự khác nhau giữa tên sản phẩm theo đơn đặt hàng với hợp đồng mua bán đối với hợp đồng số 04. Hơn nữa, phía Công ty thuộc da R đã đồng ý nhận, sử dụng, ký hợp đồng và đăng ký tờ khai hải quan các hóa chất thay thế cụ thể là: Vishnuchrome 1000 = Tankrom AB 700 + Crom TAN 100 + Tankrom AB 200 (trong đó Tankrom AB 700, phiếu giao hàng số NL 18.717; Crom TAN 100, phiếu giao hàng số NL 18.734; hợp đồng ORC/04-2018/RTVN; còn Tankrom AB 200 phiếu giao hàng số NL 18.709, hợp đồng ORC/05-2018/RTVN tất cả đều theo đơn đặt hàng số PO01403).

Đối với những hóa chất còn lại trong hợp đồng mua bán hàng hóa số 04 đều trùng khớp với đơn đặt hàng, phiếu giao hàng, hợp đồng mua bán và tờ khai hải quan.

Phía bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền 120.000.000 đồng đối với hợp đồng mua bán hàng hóa số 01, 02, 03 và 05, phương thức thanh toán cụ thể: Thanh toán trong thời hạn 06 tháng, mỗi tháng 20.000.000 đồng và thanh toán vào ngày 15 dương lịch hàng tháng cho đến khi hết số nợ trên, nguyên đơn không đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không có ý kiến gì đối với tài liệu Hội đồng xét xử đã thu thập tại Chi cục Hải quan Long Thành trong thời gian tạm ngừng phiên tòa.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or số tiền hàng còn nợ của 05 hợp đồng mua bán hàng hóa gồm:

Số ORC/01- 2018, ORC/02- 2018, ORC/03- 2018, ORC/04-2018, ORC/05-2018 với tổng số tiền là 127.530.913 đồng.

Ngoài ra, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai ngày 18/7/2019, các lời khai có tại hồ sơ và lời khai tại phiên tòa, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R do Chị Hoàng Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R có đặt mua một số hóa chất dùng trong việc sản xuất của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or.

Việc đặt mua này được thể hiện qua các đơn đặt hàng sau: PO01388 ngày 27 tháng 6 năm 2018, PO01398 ngày 05 tháng 7 năm 2018, PO01403 ngày 10 tháng 7 năm 2018 và PO01415 ngày 19 tháng 7 năm 2018, PO01412 ngày 14/7/2018. Dựa vào các đơn đặt hàng trên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Orgiao hàng và các giấy tờ, chứng từ liên quan đến hàng hóa, trong đó có các hợp đồng mua bán hàng hóa số: ORC/01-2018/RTVN ngày 28/6/2018, ORC/02-2018/RTVN ngày 07/7/2018, ORC/03- 2018/RTVN ngày 25/7/2018, ORC/04-2018/RTVN ngày 18/7/2018 và ORC/05-2018/RTVN ngày 19/7/2018. Tại thời điểm đặt hàng và giao nhận hàng, giữa hai bên chưa ký kết bất kỳ hợp đồng mua bán nào bằng văn bản. Các hợp đồng nêu trên đều do Công ty TNHH Or tự soạn thảo. Chỉ khi nhận được hàng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R mới biết về đối tượng của hợp đồng, số lượng, giá và phương thức thanh toán trong các hợp đồng nêu trên.

Theo nội dung các hợp đồng mua bán hàng hóa số: ORC/01-2018/RTVN ngày 28/6/2018, ORC/02-2018/RTVN ngày 07/7/2018, ORC/03- 2018/RTVN ngày 25/7/2018, ORC/04-2018/RTVN ngày 18/7/2018 và ORC/05-2018/RTVN ngày 19/7/2018 nêu trên bị đơn chỉ thống nhất với nội dung thỏa thuận tại 04 hợp đồng gồm: ORC/01-2018/RTVN, ORC/02-2018/RTVN, ORC/03- 2018/RTVN và ORC/05-2018/RTVN về tên, chủng loại hàng hóa, quy cách, số lượng, giá trị hợp đồng và phía bị đơn cũng đã nhận, ký phiếu giao hàng đủ, đúng số lượng, chất lượng hàng hóa trong 04 hợp đồng này, giá trị 04 hợp đồng nêu trên có tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với hợp đồng mua bán hàng hóa số ORC/04-2018/RTVN ngày 18/7/2018 thì tên nguyên liệu trên đơn đặt hàng không khớp với hóa chất trên hợp đồng và hóa đơn số 0002541 nhưng không khớp với đơn đặt hàng số bao nhiêu bị đơn không rõ. Cụ thể nguyên liệu trên đơn đặt hàng gồm: IPA 10 kg, Tankrom AB 100kg, Sodium formate 300 kg nhưng trên hợp đồng lại gồm tên hóa chất là Nexopol ER, Crom TAN và Nerifill P. Tổng giá trị 03 hóa chất đã bị thay thế nêu trên là 8.300.400 đồng.

Nguyên đơn cho rằng chỉ thay thế sản phẩm Vishnuchrome trên đơn đặt hàng số PO01403 ngày 10/7/2018 so với tên hóa chất trên hợp đồng ORC/04-2018/RTVN đối với 02 loại hóa chất có cùng chất dung dịch hóa học là Crom TAN và Tankrom AB (do khác nhau về Công ty sản xuất) và việc thay thế này nguyên đơn đã thỏa thuận qua thư điện tử với bị đơn là không đúng. Đối với những hóa chất còn lại trong hợp đồng mua bán hàng hóa số 04 cũng như trong

04 hợp đồng còn lại đều trùng khớp với đơn đặt hàng, phiếu giao hàng, hợp đồng mua bán và tờ khai hải quan.

Mặc dù nguyên đơn giao 02 loại hóa chất không trùng khớp so với đơn đặt hàng tại hợp đồng mua bán hàng hóa số 04 nhưng phía bị đơn thừa nhận đã nhận đủ hàng, đã sử dụng và cũng đã kê khai xuất khẩu với cơ quan hải quan về 02 loại hóa chất thay thế này. Lý do bị đơn biết số hóa chất không đúng so với đơn đặt hàng nhưng vẫn đồng ý nhận là vì giữ mối quan hệ làm ăn với nhau trong thời gian tiếp theo. Bị đơn thừa nhận người ký nhận hàng do nguyên đơn giao đúng là chị Phan Thị Liên – nhân viên của Công ty thuộc da R, hiện chị Liên đã nghỉ việc và bị đơn không cung cấp được hợp đồng lao động của chị Liên theo yêu cầu của Hội đồng xét xử.

Từ tháng 02/2018 đến nay bị đơn gặp nhiều khó khăn trong tài chính nên chưa thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào đối với 05 hợp đồng mua bán hàng hóa mà nguyên đơn cung cấp nêu trên.

Nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R thanh toán số tiền 127.530.913 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn chín trăm mười ba đồng), bị đơn không đồng ý do có một số hóa chất trong hợp đồng mua bán số 04 như đã nêu trên nguyên đơn giao không đúng tên theo đơn đặt hàng nên bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền 120.000.000 đồng đối với 04 hợp đồng mua bán hàng hóa gồm hợp đồng mua bán số 01, 02, 03 và 05, phương thức thanh toán cụ thể: Thanh toán trong thời hạn 06 tháng, mỗi tháng 20.000.000 đồng và thanh toán vào ngày 15 dương lịch hàng tháng cho đến khi hết số nợ trên.

Đối với 03 loại hóa chất không khớp có tổng giá trị là 8.300.400 đồng. Tuy nhiên để làm tròn cho chẵn và khớp với số tiền nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn đồng ý thanh toán số tiền số tiền là 120.000.000 đồng, số tiền còn lại là 7.530.913 đồng, bị đơn không thừa nhận nên không đồng ý thanh toán.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố toàn bộ tài liệu thu thập được tại Chi cục Hải quan Long Thành, bị đơn hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại bản án sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã căn cứ vào Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; khoản 2 Điều 92 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ordối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R.

Xử buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or số tiền nợ là

127.530.913 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn chín trăm mười ba đồng).

2. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.376.545 đồng (Sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng). Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.190.000 đồng theo biên lai số 0001483 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R chưa thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2019, Công ty TNHH một thành viên thuộc da R kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH một thành viên thuộc da R phải thanh toán cho Công ty TNHH Or số tiền hàng còn nợ của 04 hợp đồng mua bán số ORC/01-2018/RTVN ngày 28/6/2018, ORC/02-2018/RTVN ngày 07/7/2018, ORC/03-2018/RTVN ngày 25/7/2018, ORC/05-2018/RTVN ngày 19/7/2018 và một phần số tiền hàng còn nợ của Hợp đồng mua bán số ORC/04-2018/RTVN ngày 18/7/2018 với tổng số tiền là 119.231.000đ làm tròn thành 120.000.000đ; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền hàng đối với 03 loại hóa chất thuộc Hợp đồng mua bán số ORC/04-2018/RTVN ngày 18/7/2018 với số tiền là 8.300.400đ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn giao các hóa chất thay thế theo Hợp đồng mua bán số ORC/04-2018/RTVN ngày 18/7/2018, bị đơn đã nhận và đưa vào sử dụng, phù hợp với các tài liệu thông quan có trong hồ sơ. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or số tiền nợ là 127.530.913 đồng là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp

nhận kháng cáo của Công ty TNHH một thành viên thuộc da R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH một thành viên thuộc da R, Công ty đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Đối với số tiền nợ theo các hợp đồng mua bán hàng hóa số ORC/01-2018/RTVN ngày 28/6/2018, ORC/02-2018/RTVN ngày 07/7/2018, ORC/03-2018/RTVN ngày 25/7/2018 và ORC/05-2018/RTVN ngày 19/7/2018, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or và bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R đều đã thống nhất.

[3.2] Riêng đối với hợp đồng mua bán hàng hóa số ORC/04-2018/RTVN ngày 18/7/2018: Nguyên đơn xác định trong hợp đồng mua bán hàng hóa số ORC/04-2018/RTVN ngày 18/7/2018 nguyên đơn có thay thế sản phẩm Vishnuchrome trên đơn đặt hàng số PO01403 ngày 10/7/2018 so với tên sản phẩm trên hợp đồng mua bán hàng hóa chỉ với 02 loại hóa chất có cùng dung dịch hóa học là Crom TAN và Tankrom AB (do khác nhau về Công ty sản xuất) và việc thay thế này đã thỏa thuận qua thư điện tử với bị đơn, cụ thể thay thế như sau: Vishnuchrome 1000 = Tankrom AB 700 + Crom TAN 100 + Tankrom AB 200 (trong đó Tankrom AB 700, phiếu giao hàng số NL 18.717; Crom TAN 100, phiếu giao hàng số NL 18.734 cùng hợp đồng MBHH số ORC/04-2018/RTVN; còn Tankrom AB 200 thuộc phiếu giao hàng số NL 18.709 và hợp đồng ROC/05-2018/RTVN, tất cả đều theo đơn đặt hàng số PO01403).

Phía bị đơn không thừa nhận việc thay thế hóa chất như lời trình bày của nguyên đơn và khai lại rằng các hóa chất theo đơn đặt hàng là IPA 10kg, Tankrom AB 100kg và Sodium formate 300 kg bị thay thế bởi các hóa chất theo hóa đơn số 0002541 và hợp đồng mua bán hàng hóa số ORC/04- 2018/RTVN lần lượt tương ứng với các hóa chất Nexopol ER, Crom TAN và Nerifill P nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, mặc dù không thừa nhận có sự thay thế hóa chất như nguyên đơn trình bày nhưng bị đơn thừa nhận đã nhận đầy đủ hàng hóa, đúng thời hạn, địa điểm, chủng loại và chất lượng, số lượng theo các phiếu giao hàng do nguyên đơn cung cấp gồm: NL18.641 ngày 28/6/2018; NL18.744 ngày 25/7/2018; NL18.677 ngày 07/07/2018; NL18.710 ngày 17/7/2018; NL18.711 ngày 17/07/2018; NL18.745 ngày 25/07/2018; NL18.730 ngày 20/07/2018; NL18.734 ngày 20/7/2018; NL18.717 ngày 18/7/2018; NL18.717 ngày 18/7/2018; NL18.709 ngày 17/7/2018, điều này chứng tỏ bị đơn đã nhận các loại hóa chất được nguyên đơn thay thế nhưng không có ý kiến phản hồi gì tại thời điểm nhận hàng. Hơn nữa, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa phía bị đơn cũng thừa nhận đã sử dụng

tất cả các loại hóa chất đã nhận theo phiếu giao hàng nêu trên của nguyên đơn và đã thông quan xuất khẩu hàng hóa tại Chi cục Hải quan Long Thành.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ do Tòa án thu thập tại Chi cục Hải quan Long Thành thể hiện 05 tờ khai hàng hóa xuất khẩu gồm số 301988549020 ngày 09/7/2018; 302023878720 ngày 30/7/2018; 302023908820 ngày 30/7/2018; 302042154800 ngày 09/8/2018; 302050062440 ngày 14/8/2018 do Công ty Or là người xuất khẩu và Công ty thuộc da R là bên nhập khẩu và thông quan, các hóa chất trong tờ khai thông quan đều khớp với số lượng, chất lượng hóa chất mà các bên đã giao kết hợp đồng mua bán.

[3.3] Như vậy, việc bị đơn có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa với nguyên đơn đối với 05 hợp đồng mua bán hàng hóa số ORC/01-2018/RTVN ngày 28/6/2018, ORC/02-2018/RTVN ngày 07/7/2018, ORC/03- 2018/RTVN ngày 25/7/2018, ORC/04-2018/RTVN ngày 18/7/2018 và ORC/05-2018/RTVN ngày 19/7/2018 và chưa thanh toán nợ với tổng số tiền là 127.530.913 đồng như nguyên đơn đã khởi kiện là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or, buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R phải thanh toán cho Công ty Or số tiền 127.530.913 đồng là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.4] Đối với việc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R cho rằng do sử dụng 03 loại hóa chất không đúng như đơn đặt hàng đã làm cho các da của công ty bị hư, chất lượng xấu không thể bán hoặc bị khách hàng trả về gây thiệt hại cho công ty, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R có thể khởi kiện bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

[4] Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R phải chịu 6.376.545 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về áp dụng pháp luật: Trong các hợp đồng mua bán hàng hóa nói trên, các bên đều có thỏa thuận trường hợp bên mua chậm thanh toán thì phải trả thêm cho bên bán số tiền lãi chậm trả tính theo lãi suất gửi tiết kiệm không kỳ hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 tuyên kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn Or có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R chưa thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán là chưa phù hợp với hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, cần phải sửa bản án sơ thẩm, tuyên lại cho đúng.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Or:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Or số tiền nợ là 127.530.913 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn chín trăm mười ba đồng).

2. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R phải chịu 6.376.545 đồng (Sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Or số tiền 3.190.000 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001483 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc da R đã nộp theo biên lai số 0002840 ngày 13/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí công ty phải nộp.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất gửi tiết kiệm không kỳ hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Bá Nhu